|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **DỰ THẢO** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

(*Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHCN ngày tháng năm 2024*

*của Bộ Khoa học và Công nghệ*)

Triển khai thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Sau gần 10 năm thực hiện, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định và không phát sinh vướng mắc lớn cần thay thế Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. Việc sửa đổi Nghị định số 95/2014/NĐ-CP xuất phát từ những bất cập trong thực hiện đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và sự thay đổi của pháp luật có liên quan.

 **I. Kết quả đạt được**

*1. Hệ thống quy định pháp luật về cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ban hành kịp thời, đồng bộ*

Trong thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KHCN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực ĐMST của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Điều 14 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân

sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

 Hệ thống pháp luật nêu trên đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý lý tài chính cho hoạt động KH&CN.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện trên cơ sở dự toán nguồn NSNN được phê duyệt và các nguồn kinh phí khác cân đối cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong năm kế hoạch và các năm tiếp theo tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

 Cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và khoán chi từng phần đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, được cụ thể hóa tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC. Nội dung khoán chi tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC được thực hiện theo tinh thần quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

 Về cơ bản, các tổ chức được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đã sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí vào mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác thanh quyết toán kinh phí đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ. Công tác quản lý việc sử dụng kinh phí cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc báo cáo theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu.

 *2. Về đầu tư kinh phí chi sự nghiệp KH&CN*

Việc thực hiện kế hoạch và xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việc phân bổ giao dự toán NSNN, quản lý và sử dụng kinh phí chi sự nghiệp KH&CN đảm bảo nguồn lực thực hiện đầy đủ, kịp thời các hoạt động KH&CN, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của ngành KH&CN. Tuy nhiên, trong bối cảnh cân đối chi NSNN còn khó khăn, chi thường xuyên cho hoạt động KH&CN được Quốc hội thông qua trung bình trong giai đoạn 2016-2020 vào khoảng 0,79% tổng chi NSNN.

*3. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp cho KH&CN*

*a) Kinh phí sự nghiệp KH&CN trung ương* tập trung đầu tư để triển khai một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, trong đó nhiệm vụ cấp quốc gia trọng tâm bao gồm: (i) Triển khai thực hiện các Chương trình KH&CN cấp Quốc gia; (ii) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình/Đề án KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giao cho các Bộ ngành thực hiện; (iii) Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới; (iv) triển khai Chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng nông thôn và miền núi; và (v) Các nhiệm vụ KH&CN trọng tâm đã được thống nhất trong Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ KH&CN với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; các Chương trình trọng điểm, nhiệm vụ cấp bách do các cấp có thẩm quyền giao; tăng cường năng lực nghiên cứu và sửa chữa chống xuống cấp của các tổ chức KH&CN…

*b) Kinh phí SNKH địa phương:* Qua số liệu tổng hợp, thực tế kiểm tra, khảo sát tại một số địa phương có thể nhận thấy, trong điều kiện kinh tế, ngân sách nhà nước (NSNN) còn khó khăn nhưng các địa phương luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động KH&CN, trong đó nguồn ngân sách sự nghiệp chi cho KH&CN được nhiều địa phương bố trí cao hơn số Trung ương giao. Hầu hết các địa phương đều sử dụng hết số kinh phí được UBND tỉnh/thành phố phê duyệt.

Theo báo cáo, các địa phương dành 60 - 70% kinh phí sự nghiệp KH&CN cho công tác nghiên cứu, ứng dụng. Với chủ trương hoạt động nghiên cứu triển khai phải tập trung theo hướng ứng dụng là chính vì thế các địa phương đã rất chú trọng công tác này, nhất là đối với các kết quả có khả năng thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương và của Vùng.

Trong kinh phí sự nghiệp KH&CN, chi thường xuyên đảm bảo duy trì hoạt động và sở vật chất của các tổ chức KH&CN công lập, hỗ trợ một phần kinh phí triển khai các nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập, duy trì và trả lương cho nhân lực KH&CN ở khu vực nhà nước. Chi nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN theo yêu cầu phát triển của ngành, địa phương phục vụ quản lý nhà nước của bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội.

*4. Về tình hình phân bổ, sử dụng chi đầu tư phát triển cho KH&CN*

Về nguồn vốn đầu tư: Bộ KH&ĐT có trách nhiệm hướng dẫn, tổng hợp kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn đầu tư KH&CN cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Bộ KH&CN không có thông tin trong quá trình phân bổ nguồn vốn này. Tuy nhiên, theo số liệu tổng hợp báo cáo từ các địa phương, tổng ngân sách sự nghiệp chi cho đầu tư phát triển KH&CN giai đoạn 2016-2020 là 10.627,7 tỷ đồng. Thống kê theo từng Vùng cho thấy, cao nhất là Vùng Đông Nam Bộ 6.544,9 tỷ đồng (chiếm 61,58%), tiếp đến vùng Đồng bằng Sông Hồng 1.559,5 tỷ đồng (chiếm 14,67%), thấp nhất là vùng Nam Trung Bộ 177,7 tỷ đồng (chiếm 1,67%).

*5. Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*

 Theo thống kê của Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, số tiền và số doanh nghiệp trích lập Quỹ không nhiều; việc sử dụng số tiền từ Quỹ chi cho hoạt động KH&CN chỉ đạt 60%.

Giai đoạn 2015-2021, số tiền trích lập Quỹ cả nước đạt trên 23.000 tỷ đồng và sử dụng trên 14.000 tỷ đồng đã góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đã chủ động trích lập và sử dụng hiệu quả nguồn lực này cho hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp.

Theo số liệu về tình hình trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 do Tổng cục thuế cung cấp tại Văn bản số 4873/TCT-KK ngày 01/11/2023, có khoảng 220 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ trong năm 2022 với tổng số tiền trích lập là khoảng 6.500 tỷ; số Quỹ được sử dụng khoảng 3.200 tỷ, trong đó số Quỹ được sử dụng từ nguồn trích lập trong năm 2022 là khoảng 848 tỷ. So sánh với năm 2021 (có 254 doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ với tổng số tiền trích lập là 3.349 tỷ đồng, số Quỹ được sử dụng là 684 tỷ đồng) cho thấy số liệu về trích lập và sử dụng Quỹ năm 2022 đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2021.

 **II. Tồn tại, hạn chế**

1. *Về đầu tư cho hoạt động KH&CN*

*Về chi đầu tư phát triển KH&CN:* Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, mục tiêu chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế. Trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế, tồn tại sau: (1) Phân bổ vốn đầu tư còn chồng chéo, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 về Chiến lược phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020). Nguyên nhân khi phân bổ vốn đầu tư chưa tuân thủ đầy đủ nguyên tắc, còn dàn trải, trùng lắp, chưa đáp ứng theo định hướng mục tiêu chiến lược KHCN&ĐMST, kế hoạch trung hạn đã được xác định. (2) Nội dung chi sự nghiệp KH&CN quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 chỉ gồm “*m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN*”. Tuy nhiên trong thực tế, việc đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu bao gồm mua sắm máy móc, trang thiết bị nghiên cứu của các tổ chức KH&CN đang được lập dự toán và phân bổ bằng nguồn sự nghiệp KH&CN, việc mua sắm trang thiết bị máy móc chưa thực hiện theo Luật Đầu tư công. (3) Việc đầu tư và duy trì hoạt động các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia chưa được quan tâm đúng mức, kinh phí còn dàn trải, thiếu tập trung và hiệu quả hoạt động chưa cao.

*Về chi sự nghiệp KH&CN:* (1)Cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu để tham mưu chính sách phục vụ quản lý nhà nước là chưa phù hợp dẫn đến đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc trong quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao trong nghiên cứu. (2) Kinh phí chi thường xuyên và các nhiệm vụ theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP không được quy định và điều chỉnh bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Quy trình phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 5 vào các Quỹ KH&CN các cấp chưa được thực hiện do các Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, ngành, địa phương theo Điều 7 của Nghị định về cơ bản chưa được thành lập. (4)Hoạt động của các Quỹ phát triển KH&CN còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng do còn vướng mắc cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo các quy định của pháp luật về KH&CN và NSNN.

2. *Về cơ chế quản lý tài chính cho nhiệm vụ KH&CN*

Quy định về xây dựng dự toán và kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN hiện nay dù đã đổi mới nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng khoa học khi vẫn tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc: (1) Khó khăn trong xác định ngày công khi thẩm định nhiệm vụ KH&CN, thiếu cơ sở xác định trong lĩnh vực khoa học xã hội và chưa theo học hàm học vị mà chỉ theo chức danh tham gia thực hiện, định mức ngày công đối với các thành viên tham gia còn thấp, chưa đủ để khích lệ nhà khoa học tham gia nghiên cứu, việc sử dụng hệ số nhân với mức lương cơ sở còn thấp và sẽ không phù hợp với đề án tiền lương mới theo chức danh và vị trí việc làm đang hướng tới, chưa có quy định tiêu chí để xác định số lượng thành viên và thời gian tham gia; (2) Hệ số tiền công thấp và thời gian làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm khiến mức tiền công nghiên cứu KH&CN quá thấp, không đủ đảm bảo thu nhập và chưa phải mức đãi ngộ xứng đáng với chất xám và công sức của nhà khoa học; (3) Định mức của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thấp tuy nhiên vai trò rất quan trọng trong việc định hướng nghiên cứu, ra đầu bài cho nhiệm vụ; (4) Chưa có định mức tiền công thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài nên khó khăn trong việc thương thảo hợp đồng khoán việc hay chọn chuyên gia phù hợp với mức kinh phí hội đồng sẽ chấp thuận; (4) Nhiều nhiệm vụ cần có tổ chuyên gia kỹ thuật hỗ trợ để cung cấp thông tin cho hội đồng thẩm định, đánh giá nhiệm vụ nhưng chưa có nội dung, định mức chi; (5) Chưa có quy định trả thù lao bổ sung cho hoạt động điều phối quản lý chương trình KH&CN của các đơn vị quản lý; (6) Thực tế việc dự toán công lao động theo các chức danh nhưng khi thanh quyết toán lại là khoán chi nên cần quy định rõ hồ sơ thanh quyết toán để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau: có cần bảng chấm công hay không, ký hợp đồng giao việc và chuyển tiền cho từng người hay cho đầu mối chịu trách nhiệm chính.

*Về ban hành và thực hiện cơ chế khoán chi:* Thực tế khi triển khai cơ chế khoán chi theo Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN- BTC, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần, cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến; chủ yếu triển khai đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tài trợ thông qua Quỹ Nafosted**[[1]](#footnote-1)**.

Mục tiêu của cơ chế khoán chi là giảm ràng buộc về thủ tục hành chính, chứng từ chi tiêu để các nhà khoa học có thể tập trung, chuyên tâm cho nghiên cứu khoa học; nhưng với các chính sách hiện nay, ngoài việc được tự chủ trong việc điều chỉnh dự toán các nội dung chi khoán hay điều chỉnh định mức chi của các nội dung khoán; việc chi tiêu, thanh toán các nhiệm vụ KH&CN vẫn phải chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật NSNN, Luật Đấu thầu. Mặc dù Thông tư số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC đã đơn giản thủ tục kiểm soát chi của KBNN, nhưng trách nhiệm kiểm soát chi lại giao cho các đơn vị quản lý kinh phí thuộc các Bộ, ngành và các tổ chức chủ trì; nhà khoa học vẫn phải hoàn thiện các chứng từ thực thanh, thực chi hợp pháp cho các nội dung thanh toán; vẫn phải thực hiện các thủ tục liên quan đến đấu thầu mua sắm; vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về việc sử dụng NSNN (trong khi hiệu quả của hoạt động nghiên cứu có độ trễ, chưa được chứng minh ngay thì trách nhiệm sử dụng NSNN thường được kiểm soát bằng sự minh bạch, đầy đủ của chứng từ chi tiêu).

Việc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng nhằm trao quyền chủ động cho chủ trì nhiệm vụ; đơn giản hóa trong việc thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, được coi là bước đột phá trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, các đề tài, dự án phải đảm bảo “*đã xác định được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng*”. Nếu theo tiêu chuẩn này gần như 100% đề tài, dự án nghiên cứu đã đạt tới sản phẩm cuối cùng với số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra và địa chỉ ứng dụng. Điều này chưa phù hợp với thực tế và tính chất rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học.

 Sản phẩm của đề tài, nhiệm vụ KH&CN còn có nhiều yếu tố vô hình khó lượng hoá, đánh giá rõ ràng thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật; Kho bạc nhà nước (KBNN) không thực hiện kiểm soát chi tuy nhiên khối lượng các chứng từ chi tiêu, đấu thầu mua sắm mà tổ chức chủ trì phải lưu giữ để phục vụ cho thanh, kiểm tra gần như không thay đổi so với phương thức khoán chi từng phần trong khi lại bị hạn chế trong việc điều chỉnh một số nội dung của nhiệm vụ;….

Khi hoạt động nghiên cứu KH&CN không được áp dụng các cơ chế đặc thù hơn so với các dòng chi khác từ NSNN (từ việc phân bổ, giao dự toán, đấu thầu, thanh quyết toán, chứng từ chi tiêu) đối với việc kiểm soát chi của KBNN; đối với sự kiểm tra của cơ quan thanh tra, kiểm toán; đối với trách nhiệm của đơn vị quản lý dự toán NSNN; … thì rất khó có được một cơ chế tài chính thực sự đơn giản hóa, thực sự cởi trói cho các nhà khoa học trong việc thanh quyết toán kinh phí NSNN.

*Về ban hành các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính nhiệm vụ, chương trình KH&CN:* Việc ban hành một số thông tư quản lý tài chính thực hiện chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia còn chậm, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình; Các quy định về thủ tục thanh, quyết toán kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn phức tạp; Các quy định về định mức chi phân bổ, xây dựng dự toán kinh phí chưa thực sự phù hợp, chưa theo kịp bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước (ví dụ: vấn đề về định mức ngày công, vấn đề căn cứ xác định số lượng ngày công, dự toán kinh phí có độ lệch so với thực tế tại thời điểm triển khai do quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kéo dài…).

*Về ban hành và thực hiện các quy định về xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ sử dụng NSNN:* Khó khăn, vướng mắc nhất hiện nay là vướng mắc trong việc triển khai áp dụng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.... và các thông tư hướng dẫn). Tài sản hình thành từ kết quả từ nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn nhà nước có rất nhiều đặc thù (vô hình, hữu hình, những sản phẩm mới chưa có trên thị trường, rất nhiều loại tài sản trong các lĩnh vực khác nhau và có cả những yếu tố rủi ro); tuy nhiên cơ chế quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hiện hành đang được xây dựng như những tài sản hữu hình từ các ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước mà chưa phù hợp với đặc thù của các sản phẩm KH&CN. Dẫn đến có nhiều bất cập, như: xác định phạm vi tài sản trang bị cần xử lý; cơ chế tính hao mòn/khấu hao của tài sản trang bị; quy trình, thủ tục, thẩm quyền xử lý tài sản; việc xác định giá tài sản là kết quả của các nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này, tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho người thực hiện; quy định về thương mại hoá tài sản là kết quả của nhiệm vụ KN&CN chưa rõ, chưa phù hợp và khó thực hiện; quy định về đối tượng được nhận giao tài sản là kết quả từ các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế… Đây cũng là những hạn chế ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu KH&CN và việc quản lý, khai thác có hiệu quả tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.

*Về xây dựng và thực hiện các quy định về thương mại hoá kết quả nghiên cứu:* theo thông lệ quốc tế, khoản kinh phí NSNN cấp cho các đề tài là các khoản hỗ trợ, không phải là các khoản đầu tư, không tính toán phân chia lợi luận như các khoản đầu tư. Theo đó các viện, trường, doanh nghiệp của các nước được chủ động thương mai hóa các kết quả nghiên cứu và tự chủ về nguồn thu từ hoạt động này. Ở nước ta, các khoản chi từ NSNN cho các đề tài là khoản đầu tư từ NSNN, được tính toán phân chia lợi nhuận từ kết quả của hoạt động đầu tư. Việc định giá và phân chia lợi nhuận tiềm ẩn nhiều rủi ro vi phạm pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân của việc tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp.

 Về việc thương mại hoá các kết quả nghiên cứu, theo thông lệ chung trên thế giới thì kết quả nghiên cứu của đề tài (không bao gồm nghiên cứu cơ bản) được phân thành 03 nhóm là: (1) có thể thương mại hóa ngay sau kết thúc nghiên cứu; (2) các kết quả cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện từ quy mô thử nghiệm để có thể thương mại hóa và (3) Đề tài không thành công. Qua rà soát đánh giá các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, Bộ KH&CN nhận thấy đang tồn tại một số vấn đề trái với quy luật phát triển khách quan của KH&CN; trái với thông lệ và thực tiễn pháp lý của các nước phát triển khi họ ở cùng ngưỡng trình độ công nghệ tương tự Việt Nam hiện nay. Các vướng mắc đang tạo ra điểm nghẽn của việc đưa kết quả nghiên cứu vào trong khu vực sản xuất kinh doanh bao gồm: (i) Vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (ii) Vướng mắc trong định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iii) Vướng mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; (iv) Vướng mắc về cơ chế thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; (v) Vướng mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

 *3.* *Về trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp*

 *Chưa bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp*: Cùng là doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp nhà nước phải trích lập từ 3-10% lợi nhuận trước thuế, trong khi các doanh nghiệp khác thì chỉ quy định trích lập tối đa 10%, thậm chí không trích lập Quỹ. Điều này đi ngược lại chính sách khuyến khích huy động nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

*Tỉ lệ trích lập Quỹ chưa phù hợp cơ cấu và quy mô doanh nghiệp Việt Nam*: Đặc thù ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số, nguồn thu nhập trước thuế của các doanh nghiệp này không lớn, nếu áp dụng cùng tỉ lệ trích lập Quỹ tối đa 10%/năm thì số tiền trích lập Quỹ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất nhỏ, cho dù có cộng dồn 5 năm vẫn không đủ để doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Mặt khác, doanh nghiệp FDI có nhu cầu và tốc độ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ rất lớn nhưng qua khảo sát thực tế gần như không có doanh nghiệp FDI nào trích lập Quỹ này. Điều này cho thấy các quy định về việc khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp.

*Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về Quỹ chưa đồng bộ và chặt chẽ*: Thiếu chế tài xử lý doanh nghiệp nhà nước không trích lập hoặc trích lập không đủ tỉ lệ tối thiểu 3% theo quy định dẫn đến tình trạng tỉ lệ doanh nghiệp trích lập Quỹ và số tiền Quỹ được trích lập đều rất thấp.

*Quy định pháp luật về Quỹ chưa phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp*: Khoản 11 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 quy định “*Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ…”,* trong khi pháp luật về Quỹ lại căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014, theo đó “*doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*”. Điều này dẫn đến bất cập trong việc xử lý vi phạm về trích lập Quỹ của doanh nghiệp nhà nước có tỉ lệ trích lập Quỹ tối thiểu trong năm thấp hơn 3%.

 *Việc trích lập Quỹ đôi khi làm ảnh hưởng đến tiêu chí đánh giá, xếp loại doanh nghiệp*: Một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp quy định tại Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định số 87/2015/NĐ-CP) là tiêu chí doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu... Việc trích lập, tăng trích lập Quỹ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, trực tiếp ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp e ngại về rủi ro pháp lý sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông, thương hiệu, uy tín và xếp hạng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán do quy định phải nộp thuế và tiền chậm nộp cho số Quỹ chi không hết sau 05 năm.

 *Thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh*: Doanh nghiệp để có thể đầu tư đổi mới máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cần thực hiện theo một quy trình kỹ lưỡng nhiều giai đoạn từ lúc có ý tưởng, lựa chọn công nghệ đến khi triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và kéo dài nhiều năm tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Do vậy, quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 67/2022/TT-BTC cho phép doanh nghiệp được sử dụng Quỹ mua máy móc, thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp sản xuất kinh doanh trong hai năm là 2022 và năm 2023 (thời gian hiệu lực của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội) về cơ bản không đủ thời gian để doanh nghiệp triển khai, thực hiện.

*Khó phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với nội dung chi của Quỹ cho nghiên cứu KH&CN*: Các văn bản pháp luật quy định doanh nghiệp khi hình thành Quỹ phải xây dựng các quy chế, điều lệ quy định về việc trích lập và sử dụng Quỹ gửi các cơ quan hữu quan gồm Sở KH&CN, Sở Tài chính, Cục thuế địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký thuế để làm căn cứ cho doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ và làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước đối chiếu, giám sát, thanh tra, kiểm tra. Việc quản lý nhà nước về Quỹ áp dụng theo chế độ hậu kiểm, trong khi hướng dẫn nội dung chi còn thiếu cụ thể dễ dẫn đến rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp. Chưa quy định cơ quan chịu trách nhiệm chính quản lý về Quỹ và cơ chế giám sát nội dung chi của Quỹ, quyết toán chi của Quỹ; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về Quỹ.

*Nhiều quy định mới nhưng vẫn chưa tương thích, đồng bộ*: Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ KH&CN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã thay thế một số điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN). Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN về cơ bản đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung chi mới của Quỹ. Tuy nhiên, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi, trong đó nhiều nội dung chi có tính chất KH&CN tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP[[2]](#footnote-2) được chi bằng NSNN, nhưng lại không được chi bằng Quỹ (Điều 10 Nghị định 95/2014/NĐ-CP), mặc dù bản chất Quỹ cũng một phần là NSNN và nhiều nội dung chi khác của Quỹ lại chưa cụ thể, rõ ràng, thủ tục còn phức tạp, khó thực hiện.

 *Thủ tục hành chính trong kiểm soát chi của Quỹ chưa linh động và chưa phù hợp với tính đặc thù của Quỹ (đối với doanh nghiệp nhà nước):* Nguồn trích lập Quỹ từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp nhà nước, về bản chất chỉ có một phần là NSNN nhưng áp đặt toàn bộ nguyên tắc quản lý NSNN cho các hoạt động có tính rủi ro cao, thiếu tính ổn định theo năm mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định. Do đó việc áp đặt các nguyên tắc quản lý NSNN cho quản lý Quỹ là không phù hợp, hạn chế sự chủ động của doanh nghiệp như được quy định tại Điều 63 Luật KH&CN *“Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập”*. Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về đấu thầu dự án đầu tư mất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của họat động KH&CN.

*Quy định pháp luật về xử lý Quỹ được trích lập nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% chưa khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ và tích lũy Quỹ cho các dự án nghiên cứu dài hạn*: Theo quy định, sau 05 năm trích lập nếu Quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% sẽ được xử lý như sau: (1) phải điều chuyển toàn bộ nguồn Quỹ còn lại cho Quỹ quốc gia, Quỹ của Bộ, hoặc Quỹ cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế và sẽ được hỗ trợ lại khi doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng cho nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp với số tiền hỗ trợ bằng hoặc cao hơn số tiền doanh nghiệp đã điều chuyển. Tuy nhiên, để được sử dụng số Quỹ đã điều chuyển, doanh nghiệp phải làm các thủ tục rất chặt chẽ, mất nhiều thời gian, làm nản lòng doanh nghiệp, trong khi về thực chất nguồn này là thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải được tự quyết định; (2) riêng đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi phạt chậm nộp tính trên số tiền Quỹ còn lại, trong khi phần Quỹ còn lại sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế thực chất là thu nhập của doanh nghiệp, có thể được hoàn lại thu nhập cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định pháp luật về Quỹ chưa quy định nội dung này nên doanh nghiệp không thể thực hiện được[[3]](#footnote-3). Trong khi đó, các khoản chi kể cả chi cho đầu tư và nghiên cứu khoa học phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp đều được đưa vào chi phí và được khấu trừ trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục chi đơn giản hơn nhiều so với chi từ Quỹ.

 *Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ còn nhiều bất cập*: Điều 13 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC nay được quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tài sản cố định hình thành từ Quỹ chưa hết hao mòn nếu chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì phải hạch toán vào *thu nhập khác* và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong một số loại hình doanh nghiệp mức thuế này cao hơn rất nhiều so với mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp[[4]](#footnote-4). Về bản chất doanh nghiệp chỉ có thu nhập từ các kỳ kinh doanh trong quá trình sử dụng tài sản nhưng đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với toàn bộ giá trị tài sản ngay tại thời điểm chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến việc không khuyến khích doanh nghiệp chi mua sắm tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học từ nguồn Quỹ hoặc nếu có mua sắm tài sản thì trì hoãn chuyển tài sản hành thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh và điều này đi ngược lại quan điểm và mục tiêu hình thành Quỹ để thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ.

 *Thủ tục mua sắm phục vụ nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp tình hình thực tế*: Việc mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN phải thực hiện theo thủ tục đấu thầu theo pháp luật về *đấu thầu dự án đầu tư* với thủ tục phức tạp, mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với tính mới, tính hiếm, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN.

 *Quy định về lãi suất tính lãi chậm nộp không còn phù hợp*: Lãi chậm nộp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ được trích lập khi không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% được tính theo lãi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 1 năm không còn phù hợp với thực tế thị trường trái phiếu hiện nay; không phù hợp với các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội[[5]](#footnote-5), Bộ Tài chính đã không còn phát hành trái phiếu ngắn hạn 01 năm nhằm giảm áp lực đảo nợ của NSNN trong ngắn hạn, đảm bảo an toàn nền tài chính quốc gia.

*Vẫn còn thiếu các quy định hướng dẫn* *về Quỹ*: Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức, quy trình triển khai ở các nội dung chi: Cụ thể là thiếu định mức, quy trình theo từng nội dung chi của Quỹ như mua quyền sử dụng, quyền sở hữu[[6]](#footnote-6); định mức chi thuê chuyên gia, các nội dung được phép thuê chuyên gia, tiêu chuẩn chuyên gia; chưa hướng dẫn cụ thể trong sử dụng Quỹ để bố trí kinh phí đối ứng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước; về trách nhiệm của doanh nghiệp khi sử dụng Quỹ cho các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thành công vì các yếu tố khách quan; chưa có hướng dẫn giải quyết rủi ro trong hợp đồng đào tạo nhân lực KH&CN[[7]](#footnote-7); chưa hướng dẫn trường hợp hoàn nhập thu nhập đối với khoản trích lập Quỹ sau 05 năm không sử dụng hết sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nộp về Quỹ Quốc gia, Quỹ của Bộ, ngành, địa phương.

 **III. Đề xuất, kiến nghị**

 *1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN*

 1.1. Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 về kinh phí cải tạo, sửa chữa tài sản công nhằm nâng cấp, mở rộng tài sản công.

 Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “*a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án*;” và tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “*a) Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn*;”.

 Như vậy, để đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cần sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 theo hướng:

 - Bổ sung quy định về cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng.

 - Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo.

 1.2. Bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 về việc áp dụng quy định pháp luật về đầu tư đối với các nội dung chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN sử dụng các nguồn vốn khác nhau ngoài nguồn vốn chi đầu tư phát triển từ NSNN.

 1.3. Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 quy định về chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định tại điểm b khoản 2 sẽ được sửa đổi theo hướng: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

 1.4. Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 về việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS nhằm khuyến khích các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu KH&CN trên các tạp chí uy tín của thế giới.

 1.5. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 2 theo hướng:

 - Sửa đổi quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công. Việc đề xuất sửa đổi phù hợp với quy định tại me điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “*a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án*;” và khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “*1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.*”

 - Bổ sung quy định về mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm máy mọc, thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; ; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “*b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật*” và điểm a khoản 2 Điều 28 “*a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành*” và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

 1.6. Bổ sung quy định về chi cho hoạt động đổi mới sáng tạo để phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

 Bổ sung quy định về việc hướng dẫn các khoản chi khác phát sinh trong thực tế phục vụ hoạt động KHCN&ĐMST theo hướng: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

 1.7. Bổ sung quy định để làm rõ việc áp dụng quy định pháp luật theo hướng:

- Đối với chi đầu tư phát triển KH&CN (khoản 1 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chi đầu tư phát triển.

- Đối với chi sự nghiệp KH&CN (quy định tại khoản 2 Điều 4) áp dụng theo quy định tại Nghị định này, đối với các nội dung chưa quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chi thường xuyên.

 ***2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN***

2.1. Sửa đổi các quy định tại khoản 1 Điều 5 liên quan đến việc phối hợp và vai trò tổng hợp của Sở KH&CN, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT trong việc hướng dẫn và tổng hợp dự toán ngân sách KH&CN địa phương nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công.

2.2. Sửa đổi điểm b khoản 3 về kinh phí dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN được chuyển về đơn vị dự toán các cấp hoặc Quỹ phát triển KH&CN các cấp để phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.3. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 về việc giao Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN do: Đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được 08 năm, tuy nhiên, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Hiện nay, các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi tương đối hiệu quả nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4.

***3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 về Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương***

- Bổ sung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 khi Quỹ phát triển KH&CN thành lập: (i) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN; (ii) NSNN không hỗ trợ chi phí quản lý. Nội dung đề xuất bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 19 Điều 4 của Luật NSNN “*19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật*” và tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN “*1. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước”.*

- Bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 để xác định Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bãi bỏ các quy định tại điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 7 đối với các nội dung hoạt động ủy thác của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

***4. Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp***

4.1. Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 9 về tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp Nhà nước theo hướng: doanh nghiệp chủ động xác định tỷ lệ trích lập Quỹ tối thiểu nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập năm nhằm đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác. Đồng thời, việc sửa đổi quy định này cũng làm giảm các ảnh hưởng đến đánh giá hiệp quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4.2. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 9.

4.3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 về nội dung chi của Quỹ

Bổ sung các nội dung chi cho hoạt động KH&CN đã được quy định tại Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng chưa được quy định tại Điều 10 của Nghị định:

4.3.1.Bổ sung nội dung chi “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp”* theo quy địnhtại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

4.3.2. Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp”.*

4.3.3. Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.”;* đầu tư cho các vườn ươm trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

4.4. Sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 11 về việc các doanh nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương có quyền yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN theo hướng:

- Doanh nghiệp nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết Quỹ phát triển KH&CN sẽ nộp về Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia thay vì nộp về Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia theo quy định hiện nay.

- Bổ sung quy định về việc đề xuất phương án xử lý số tiền tồn dư do doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN các cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 1, nguyên nhân do: hiện tại Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia đang quản lý khoản kinh phí do doanh nghiệp đóng góp về Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 11 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhưng các doanh nghiệp đã đóng góp chưa có yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia; dẫn đến nguồn tiền tồn dư này chưa được sử dụng, khai thác hiệu quả.

***5. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN***

5.1. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 14 về việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN các cấp hoặc các đơn vị dự toán các cấp để phù hợp với các quy định pháp luật về NSNN.

5.2. Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 14 về cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia nhằm thực hiện theo kiến nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Công văn số 977/BC-UBKHCNMT15 ngày 26/10/2022 “*Tăng cường giám sát các chuyên đề về tình hình thực hiện chính sách pháp luật KHCN&ĐMST, trọng tâm là giám sát việc thực thi pháp luật có liên quan đến cơ chế đầu tư, tài chính, bố trí sử dụng NSNN, nguồn lực xã hội đầu tư cho KHCN&ĐMST, phát triển thị trường công nghệ, tăng cường ứng dụng và CGCN nhằm khẳng định KH&CN là động lực quan trọng phát triển đất nước*”.

5.3. Sửa đổi quy định tại Điều 15 về khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN theo hướng:

- Sửa đổi các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 về tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Luật KH&CN “*b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng*”.

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 15 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

5.4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 16 về khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 về trách nhiệm của người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 16 nhằm đảm bảo việc tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN, về kế toán.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ./.

 **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

1. Năm 2016 có 42 nhiệm vụ; 2017 có 77 nhiệm vụ; 2018 có 52 nhiệm vụ; 2019 có 57 nhiệm vụ; 2020 có 42 nhiệm vụ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Chi hỗ trợ hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, khen thưởng KH&CN, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế... [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại Tập đoàn Viễn thông Việt Nam (VNPT) việc hoàn lại thu nhập chỉ được cơ quan Kiểm toán chấp thuận khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, hướng dẫn này chỉ mang tính cá biệt hướng dẫn từng năm theo từng văn bản kiến nghị của doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-3)
4. Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần sản xuất kinh doanh chính với mức 5%, nhưng khi doanh nghiệp chuyển phần tài sản hình thành từ Quỹ sang hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải hạch toán vào thu nhập khác với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%, nghĩa là doanh nghiệp phải nộp thêm 15% thuế so với trường hợp đầu tư tài sản từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nghị quyết số 78/2014/QH13, Nghị quyết số 99/2015/QH13, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 25/2016/QH14, Nghị quyết số 23/2021/QH15... [↑](#footnote-ref-5)
6. Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện, xác định/thẩm định bí quyết công nghệ, kiến thức kỹ thuật được chuyển giao, thẩm định giá công nghệ; [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong trường hợp đối tượng nhận đào tạo không tuân thủ hợp đồng, không thể liên lạc do không có thông tin hoặc đang không trên lãnh thổ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-7)